TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S THÀNH PHỐ HỒ CH ÍMINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 799/2019/HNGĐ-ST Ng ày: 24/10/2019 V/v vụ án ly hôn – m âu thuẫn gia đình	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S – THÀNH PHỐ HỒ CH ÍMINH

- Với th ành phần Hội đồng x ét xử sơ thẩm gồm c ó:

Thẩm ph án - Chủ tọa phi ên t òa: Ông Nguyễn Hồng Nam

C ác Hội thẩm nh ân d ân: 1. B à Nguyễn Thị Lưu Ly

2. Ông Nguyễn Văn Thông

- Thư ký phi ên t òa: B à Trịnh Thị Thơi – Thư ký TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN s, Th ành phố Hồ Ch íMinh.

- Đại diện Viện kiểm s át nh ân d ân QUẬN s, Th ành phố Hồ Ch í Minh tham gia phi ên t òa: B à Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm s át vi ên.

Ng ày 24 th áng 10 năm 2019, tại trụ sở TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN s, Th ành phố Hồ Ch íMinh x ét xử sơ thẩm c ông khai vụ án hôn nhân gia đình thụ l ý số 387/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 về việc "vụ án ly h ôn – m âu thuẫn gia đình". Theo Quyết định đưa vụ án ra x ét xử số 409/2019/QĐXXST-HNGĐ ng ày 27 th áng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Thư Tr, sinh năm 1976

Địa chỉ: 52/7 BP, Phường 11, QUẬN s, Th ành phố Hồ Ch íMinh

Bị đơn: B à Phan Ngọc Tr, sinh năm 1979

Địa chỉ: 52/7 BP, Phường 11, QUẬN s, Th ành phố Hồ Ch íMinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ng ày 29/5/2019 c ùng c ác bản tự khai, nguyên đơn ông Trần Thư Tr tr ình b ày:

Ông v à b à Phan Ngọc Tr tự nguyện chung sống từ năm 2006, có đăng ký kết h ôn tại Ủy ban nhân dân Phường 11, QUẬN s, Th ành phố Hồ Ch íMinh theo Giấy chứng nhận kết h ôn số 146, quyển số 1/2006 ng ày 07/8/2006. M âu thuẫn vợ chồng ph át sinh từ năm 2010, do b à Tr thường xuy ên bỏ nhà đi, không chăm lo cho con, mặt kh ác b à Tr thường xuy ên vay nợ, kh ông c ó khả năng chi trả. Hiện tại b à Tr đã bỏ đi khỏi địa phương, tuy nhi ên thỉnh thoảng vẫn trở về nơi cư trú thăm con chung. Hai vợ chồng sống ly th ân từ năm 2010, từ khi ly th ân vợ chồng kh ông qua lại,

chăm sóc nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông xin ly hôn với bà Tr.

Về con chung: Vợ chồng sống chung có 01 con chung tên Trần Hồng Ch, sinh ngày 17/01/2007. Từ khi ly thân, ông là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Trần Hồng Ch. Do đó ông Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ Trần Hồng Ch, không yêu cầu bà Phan Ngọc Tr cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Tr xác nhận không có.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phan Ngọc Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không thể hiện ý kiến.

Tại bản trình bày nguyện vọng ngày 28/6/2019, trẻ Trần Hồng Ch có nguyện vọng xin được ở với bố là ông Trần Thư Tr.

Tại phiên tòa hôm nay ông Trần Thư Tr xin vắng mặt, bà Phan Ngọc Tr vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN s tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng dân sự: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo nguyên tắc xét xử. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông Trần Thư Tr và bà Phan Ngọc Tr có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ông Tr, bà Tr có 01 con chung, quá trình sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông Tr và bà Tr đã ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Xét thấy không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc ông Tr xin ly hôn bà Tr là có cơ sở chấp nhận. Về con chung trẻ Trần Hồng Ch, sinh năm 2007 hiện nay ông Tr đang chăm sóc nuôi dưỡng, nên tiếp tục giao con chung cho ông Tr chăm sóc nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình. Viện kiểm sát nhân dân QUẬN s đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Trần Thư Tr.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, các lời khai, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các

văn bản, nhưng suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phan Ngọc Tr vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến phản hồi.

Đối với sự vắng mặt của nguyên đơn tại phiên tòa, xét thấy quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn đều có mặt, đã có lời khai cũng như đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Ngày 27/9/2019, Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt.

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp: "vụ án ly hôn – mâu thuẫn gia đình" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn cư trú tại địa chỉ 52/7 BP, Phường 11, QUẬN s, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN s, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Thư Tr và bà Phan Ngọc Tr quen biết, tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 11, QUẬN s cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 146, quyển số 01/2006 ngày 07/8/2006 nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa ông Trần Thư Tr và bà Phan Ngọc Tr là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4.2] Xét, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng từ năm 2010, ông Tr, bà Tr phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2010. Sau khi ly thân, bà Tr đã bỏ nhà đi, tuy có về địa phương nhưng chỉ để thăm con chung; Như vậy, bà Tr và ông Tr đều có cuộc sống riêng, không quan tâm, chăm sóc yêu thương lẫn nhau.

[4.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho ông Tr, bà Tr hàn gắn hạnh phúc gia đình, nhưng bà Tr vắng mặt. Tại phiên tòa, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ giấy triệu tập nhưng bà vẫn vắng mặt, không thể hiện ý kiến. Điều này chứng tỏ bà Tr không còn tha thiết cuộc sống vợ chồng với ông Tr, không thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, cố tình để mặc ông Tr tự giải quyết việc mâu thuẫn vợ chồng.

[4.4] Qua những phân tích trên cho thấy: quan hệ vợ chồng giữa ông Tr, bà Tr đã trầm trọng, vợ chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông Tr là có cơ sở chấp nhận.

[4.5] Về con chung: Ông Tr và bà Tr có 01 con chung tên Trần Hồng Ch, sinh năm 2007. Xét nguyện vọng cũng như quyền lợi về sự phát triển toàn diện của trẻ Trần Hồng Ch, trên cơ sở xem xét đầy đủ các điều kiện để được chăm sóc, nuôi

dưỡng con chung, Hội đồng xét xử giao trẻ Chương cho ông Tr trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Tr về việc không yêu cầu cấp dưỡng.

[4.6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Tr xác nhận không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: ông Tr chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm a, b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ly hôn giữa ông Trần Thư Tr và bà Phan Ngọc Tr.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao trẻ Trần Hồng Ch, sinh ngày 17/01/2007 cho ông Trần Thư Tr trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Tr về việc không yêu cầu bà Phan Ngọc Tr cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Bà Phan Ngọc Tr có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích con chung, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng, người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: ông Trần Thư Tr xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông Trần Thư Tr phải chịu. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà ông Tr đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0011228 ngày 05/6/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự QUẬN s, ông Trần Thư Tr đã nộp xong án phí sơ thẩm.

5. Giấy chứng nhận kết hôn số 146, quyển số 01/2006 ngày 07/8/2006 do Ủy ban nhân dân Phường 11, QUẬN 5 cấp hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

6. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân TPHCM;
-Viện kiểm sát nhân dân QUẬN 5;
-Chi cục Thi hành án dân sự QUẬN 5;
-Ủy ban nhân dân P11, Q6
-Các đương sự (để thi hành);
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Nam

7.